

BÀI 25

ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được luận điểm cơ bản và các phương pháp lập luận của các bài văn nghị luận đã học.

– Chỉ ra được những nét riêng đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của mỗi bài nghị luận đã học.

– Nắm được đặc trưng chung của văn nghị luận qua sự phân biệt với các thể văn khác.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong Chương trình Ngữ văn lớp 6 và học kì I lớp 7, HS đã được tiếp xúc với văn bản thuộc các thể loại truyện, kí (loại hình tự sự) và các thể thơ trữ tình, tùy bút (loại hình trữ tình). Chương trình học kì II lớp 7 dành phần quan trọng để học văn bản nghị luận, cả ở phần Văn và phần Tập làm văn. Cụm văn bản nghị luận được học gồm bốn bài, chủ yếu thuộc kiểu chứng minh và giải thích, là những dạng lập luận tương đối đơn giản trong văn nghị luận. Hai bài về tục ngữ cũng được đặt vào cụm bài nghị luận vì những câu tục ngữ có thể coi là một dạng

nghị luận đặc biệt nhằm khái quát những nhận xét, kinh nghiệm, bài học của dân gian về tự nhiên, xã hội, con người. Các văn bản nghị luận cũng được lựa chọn để có thể đề cập nhiều nội dung, chủ đề khác nhau, như về chính trị xã hội, về văn chương, ngôn ngữ,...

2. Bài ôn tập văn nghị luận cần phải giúp HS củng cố, ghi nhớ được nội dung và đặc điểm nghệ thuật nổi bật của từng văn bản nghị luận đã học, đồng thời phải hình thành và củng cố những hiểu biết cơ bản ban đầu về đặc trưng của văn nghị luận. Để làm tốt điều này, cần so sánh văn nghị luận với các thể loại khác thuộc loại hình tự sự và trữ tình. Việc này cũng đồng thời giúp HS ôn tập và ghi nhớ sâu hơn về hai loại hình văn bản đó.

3. Để việc ôn tập có hiệu quả, HS cần chuẩn bị kĩ nội dung ôn tập theo các câu hỏi trang 66 và 67, những yêu cầu của công việc được nêu trong SGK. Hệ thống câu hỏi đã cố gắng đa dạng hoá các hoạt động và thao tác, như lập bảng biểu, tóm tắt, lựa chọn trắc nghiệm, so sánh, đối chiếu,... Tuy nhiên, đó cũng mới chỉ là một số gợi ý của SGK. GV hoàn toàn có thể phát huy sự sáng tạo của mình, đưa thêm những hình thức hoạt động khác trong giờ ôn tập trên lớp, sao cho HS được thực sự hoạt động và đạt được tốt mục tiêu tiết học đã đề ra.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

– GV nhắc lại nhan đề các văn bản nghị luận ở Bài 20, 21, 23, 24 và nêu yêu cầu của việc ôn tập.

– Kiểm tra sơ bộ việc chuẩn bị bài ôn tập của HS.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1. Tóm tắt về nội dung và đặc điểm nghệ thuật của các bài văn nghị luận đã học.

– HS trình bày phần chuẩn bị của mình cho câu 1, trang 66, SGK, bằng cách lập bảng theo mẫu đã cho. Có thể gọi mỗi HS trả lời một bài, HS khác nhận xét, bổ sung. GV sửa lại và ghi lên bảng.

STT	Tên bài	Tác giả	Đề tài nghị luận	Luận điểm chính	Phương pháp lập luận
1	<i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i>	Hồ Chí Minh	Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam	<i>Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.</i>	Chứng minh
2	<i>Sự giàu đẹp của tiếng Việt</i>	Đặng Thai Mai	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	<i>Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.</i>	Chứng minh (kết hợp giải thích)
3	<i>Đức tính giản dị của Bác Hồ</i>	Phạm Văn Đồng	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Bác giản dị trong mọi phương diện : bữa cơm (ăn), cái nhà (ở), lối sống, (cách) nói và viết. Sự giản dị ấy đi liền với sự phong phú, rộng lớn về đời sống tinh thần ở Bác.	Chứng minh (kết hợp giải thích và bình luận)
4	<i>Ý nghĩa văn chương</i>	Hoài Thanh	Văn chương và ý nghĩa của nó đối với con người	Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người, thương muôn loài, muôn vật. Văn chương hình dung và sáng tạo ra sự sống, nuôi dưỡng và làm giàu cho tình cảm của con người.	Giải thích (kết hợp bình luận)

– Tóm tắt đặc điểm nghệ thuật của các bài nghị luận đã học. HS trình bày phần chuẩn bị của mình cho câu 2, trang 67, SGK. GV bổ sung và nhắc lại.

+ Bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*: Bố cục chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, toàn diện, sắp xếp hợp lí; hình ảnh so sánh đặc sắc.

+ Bài *Sự giàu đẹp của tiếng Việt*: Bố cục mạch lạc, kết hợp giải thích và chứng minh; luận cứ xác đáng, toàn diện, chặt chẽ.

+ Bài *Đức tính giản dị của Bác Hồ*: Dẫn chứng cụ thể, xác thực, toàn diện. Kết hợp chứng minh với giải thích và bình luận, lời văn giản dị mà giàu cảm xúc.

+ Bài *Ý nghĩa văn chương*: Trình bày những vấn đề phức tạp một cách ngắn gọn, giản dị, sáng sủa, kết hợp với cảm xúc; văn giàu hình ảnh.

Hoạt động 2. Củng cố hiểu biết về đặc trưng của văn nghị luận qua sự đối sánh với loại hình trữ tình và tự sự.

Trong hoạt động này cần huy động những kiến thức HS đã được học về văn nghị luận ở phần Tập làm văn. Cần đưa ra và tổ chức nhiều hình thức hoạt động của HS.

– HS trình bày phần chuẩn bị về điểm a của câu 3, trang 67, SGK, có thể minh hoạ bằng các ví dụ cụ thể trong các văn bản đã học.

Những yếu tố nêu trong câu hỏi này chỉ là một phần trong những yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại. Mặt khác, trong thực tế mỗi văn bản có thể không chứa đựng đầy đủ các yếu tố chung của thể loại. Các thể loại cũng có sự thâm nhập lẫn nhau, thậm chí có những thể ở ranh giới giữa hai thể loại. Sự phân biệt các loại hình tự sự, trữ tình, nghị luận cũng không thể là tuyệt đối. Trong các thể tự sự cũng không hiếm các yếu tố trữ tình và cả nghị luận nữa. Ngược lại, trong văn nghị luận cũng thường thấy có sử dụng phương thức biểu cảm và có khi cả miêu tả, kể chuyện. Xác định một văn bản thuộc loại hình nào là dựa vào phương thức được sử dụng trong đó.

– Nêu đặc trưng của văn nghị luận. HS trình bày phần chuẩn bị về điểm b của câu 3 trong SGK. GV nhận xét, bổ sung.

+ Các thể loại tự sự như truyện, kí, chủ yếu dùng phương thức miêu tả và kể, nhằm tái hiện sự vật, hiện tượng, con người, câu chuyện.

+ Các thể loại trữ tình như thơ trữ tình, tuỳ bút, chủ yếu dùng phương thức biểu cảm để biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua các hình ảnh, nhịp điệu, vần điệu.

Các thể loại tự sự và trữ tình đều tập trung xây dựng các hình tượng nghệ thuật với nhiều dạng thức khác nhau, như nhân vật, hình tượng thiên nhiên, đồ vật,...

+ Khác với các thể loại tự sự và trữ tình, văn nghị luận chủ yếu dùng phương thức lập luận, bằng lí lẽ, dẫn chứng để trình bày ý kiến tư tưởng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về mặt nhận thức. Văn nghị luận cũng có hình ảnh, cảm xúc, nhưng điều cốt yếu là lập luận với hệ thống các luận điểm, luận cứ chặt chẽ, xác đáng.

Hoạt động 3. GV hướng dẫn HS luyện tập.

GV có thể đưa ra một vài bài luyện tập để củng cố hiểu biết của HS về văn nghị luận. Chủ yếu nên dùng loại bài tập trắc nghiệm để có thể làm nhanh.

Ví dụ : Em hãy đánh dấu × vào câu trả lời mà em cho là chính xác :

+ Một bài thơ trữ tình :

- a) Không có cốt truyện và nhân vật.
- b) Không có cốt truyện nhưng có thể có nhân vật.
- c) Chỉ biểu hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của tác giả.
- d) Có thể biểu hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc qua hình ảnh thiên nhiên, con người hoặc sự việc.

+ Trong văn bản nghị luận :

- a) Không có cốt truyện và nhân vật.
- b) Không có yếu tố miêu tả, tự sự.
- c) Có thể có biểu hiện tình cảm, cảm xúc.
- d) Không sử dụng phương thức biểu cảm.

+ Tục ngữ có thể coi là :

- a) Văn bản nghị luận.
- b) Không phải là văn bản nghị luận.
- c) Một loại văn bản nghị luận đặc biệt ngắn gọn.

Hoạt động 4. GV hướng dẫn HS dựa vào phần Ghi nhớ Bài 25, trang 67, SGK, để tổng kết và cho HS ghi lại.